

Bản án số: 315/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 6 – 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Hải.
- Ông Trần Minh Út.

- Thư ký phiên toà: Ông Châu Sơn Ca, là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 651/2026/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 616/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1997; Căn cước công dân số 096197006189, cấp ngày 12/05/2022, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Địa chỉ: Ấp Má T, xã Nguyễn Việt K, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Văn T1, sinh năm 1993; Căn cước công dân số 096093008010, cấp ngày 22/11/2022, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Địa chỉ: Ấp Má T, xã Nguyễn Việt K, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Nguyễn Ngọc T và anh Hồ Văn T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Việt T, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Việt K, tỉnh Cà Mau vào năm 2015. Quá trình chung sống, chị T cho rằng đến ngày 06/11/2025 thì xảy ra mâu thuẫn do gia đình bên chồng cùng chồng đánh đập, xua đuổi ra khỏi nhà nhiều lần nên chị xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T1, riêng anh T1 cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung, chị T và anh T1 chung sống có 02 người con chung là Hồ Mỹ Kim, sinh ngày 03/10/2015 và Hồ Thuyền Kim, sinh ngày 25/5/2020. Khi ly hôn, chị T giao cả hai con cho anh T1 nuôi nhưng không cấp dưỡng nuôi con, anh T1

cũng đồng ý và cháu Mỹ Kim đã có ý kiến được chung sống với anh T1 khi anh, chị ly hôn với nhau.

Về tài sản chung, chị T và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị T và anh T1 khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, do điều kiện công việc cũng như điều kiện đi lại gặp rất nhiều khó khăn nên chị Nguyễn Ngọc T (nguyên đơn) và anh Hồ Văn T1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh, chị trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn cùng bị đơn đã có lời khai và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của các đương sự.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Việt T, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Việt K, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số: 104/2015, ngày 09/12/2015 nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù, các đương sự không trực tiếp tham gia phiên tòa xét xử nhưng đã có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cùng thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho các đương sự ly hôn với nhau.

Xét thấy, việc các đương sự thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được chấp nhận.

[3] Về con chung là Hồ Mỹ Kim, sinh ngày 03/10/2015 và Hồ Thuyên Kim, sinh ngày 25/5/2020. Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận thống nhất giao hai người con cho bị đơn nuôi, không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con nên yêu cầu của nguyên đơn về con được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, các đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc T về việc xin ly hôn anh Hồ Văn T1.

- Về con chung là Hồ Mỹ Kim, sinh ngày 03/10/2015 và Hồ Thuyên Kim, sinh ngày 25/5/2020. Tiếp tục giao 02 người con cho anh Hồ Văn T1 chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm chị Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung, chị Nguyễn Ngọc T và anh Hồ Văn T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung, chị Nguyễn Ngọc T và anh Hồ Văn T1 khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Nguyễn Ngọc T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 15/6/2026, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0007859 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Nguyễn Việt K, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lâm Hoài Ân